

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HSST
Ngày: 18/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hùng Cường và bà Điều Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hơ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên toà: ông Đỗ Lâm Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2020; đối với bị cáo:

NGUYỄN TẤN P(tên gọi khác: C), sinh năm: 1991; Hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1962 và bà Mai Thị N, sinh năm 1967; bị cáo có vợ tên Dương Thị Thùy Q, sinh năm 1999; tiền án: Ngày 19/5/ 2011, bị cáo bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố H xử phạt 18(mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số: 301/2011/HSPT. Ngày 12/10/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 18(mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 71/2011/HSST (tổng hợp Bản án số: 301/2011/HSPT của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố H và Bản án số: 71/2011/HSST của Tòa án nhân dân huyện B) buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 tháng tù giam. Ngày 17/7/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01(một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 39/2015/HSST. Ngày

25/9/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 56/2015/HSST(tổng hợp bản án số: 39/2015/HSST của Tòa án nhân dân huyện B và bản án số: 56/2015/HSST của Tòa án nhân dân huyện B) buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù giam; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 14/11/2019 đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:* Huỳnh Thái S, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1998(có mặt)

2. Văn Thị Thanh Đ, sinh năm 1972(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Những người làm chứng:*

1. Trương Minh C, sinh năm 1970(vắng mặt)

2. Nguyễn Trung H, sinh năm 1982(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Cao Hoàng M, sinh năm 1980(vắng mặt)

4. Nguyễn Trường G, sinh năm 1993(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 14/9/2019, Nguyễn Tấn P đến nhà ông Trương Minh C, sinh năm 1970, trú tại: thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước để chơi đá gà với 01(một) người đàn ông (không xác định nhân thân). Khi chơi đá gà, gà của P thua nên P tức giận và lấy trong người ra 01(một) khẩu súng tự chế bắn chết con gà của mình, sau đó, P mang xác gà bỏ vào giỏ màu vàng và lên xe để Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1998, trú tại: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 93H1-4485 chở P về nhà. Trên đường đi về qua nhà ông Huỳnh Thái S, sinh năm: 1967; trú tại: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, P thấy trước hiên nhà ông S có 01(một) xe mô tô biển kiểm soát: 93G1-150.06, (SM: JC54E3157356, SK: 538XEZ100975) không ai trông coi,

nên P nảy sinh ý định trộm xe bán kiếm tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi của mình, P nói với H dừng xe để P xuống xe có việc. Ngay sau đó, H điều khiển xe đi đổ xăng, còn P đi bộ đến cổng nhà ông S, rồi dùng tay móc ổ khóa bên trong nhà ông S mở khóa, đẩy cửa cổng đi vào bên trong lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 93G1-150.06. Sau khi P vừa dẫn xe ra đến gần cổng thì bị ông S phát hiện, tri hô nên P bỏ xe lại và chạy trốn. Ngay lúc này, ông S đến Công an xã T trình báo. Qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh hành vi phạm tội của P, là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội đối với bị can P.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 61/2019/BKL-ĐGTS ngày 23/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Phước xác định: 01(một) xe mô tô Future, màu nâu-vàng, biển kiểm soát: 93G1-150.06, số máy: JC54E3157356, số khung: 538XEZ100975 tại thời điểm ngày 14/9/2019 có giá trị là: 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng).

Cáo trạng số: 12/CTr - VKS ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Bị hại Huỳnh Thái S đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 24(hai mươi bốn) tháng đến 27(hai mươi bảy) tháng tù.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 12 giờ ngày 14/9/2019, tại khu vực thôn 6, xã T, huyện B bị cáo Nguyễn Tấn P đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của bị hại đã lén lút trộm cắp 01(một) xe mô tô Future, màu nâu-vàng, biển kiểm soát: 93G1-150.06, số máy: JC54E3157356, số khung: 538XEZ100975. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng). Do bị cáo trước đó đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” theo tình tiết định khung “Tái phạm” nên hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với Nguyễn Ngọc H có hành vi dùng xe mô tô chở P đi về nhà, H không biết và đã về trước khi P thực hiện hành vi, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01(một) xe mô tô biển kiểm soát: 93G1-150.06, số máy: JC54E3157356, số khung: 538XEZ100975 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Huỳnh Thái S. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Huỳnh Thái S, nên không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01(một) xe mô tô biển kiểm soát: 93H1-4485, quá trình điều tra xác định xe trên có biển kiểm soát nguyên thủy là: 93H1-7796, số máy: HC09E-0518853, số khung: RLHHC09033Y518719 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Quang L, sinh năm: 1955, trú tại: thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước bị mất vào năm 2017. Cơ quan

CSĐT – Công an huyện B đã giao cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện P xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 (một) thẻ nhớ màu đen, bên ngoài có ghi chữ số “8GB” (đã niêm phong); 07 (bảy) khẩu trang màu nâu; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu cam, không có bàn phím, không có ốp nhựa trước sau, số Imel: 355244037671695; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh-đen, số Imel: 383780105379372; 02 (hai) thanh kim loại hình chữ “L” được buộc với nhau bằng dây kim loại, đầu thanh sắt được mài mòn hình lục giác; 02 (hai) thanh kim loại màu xám-trắng có mũi nhọn; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu trắng kích thước 64cm x 40cm, trên tay áo có ba viền ngang màu đỏ-trắng-đen, tay áo dài 52cm, cổ áo có ghi chữ “SALAZA (M)”;

01 (một) mũ lưỡi trai màu trắng kích thước 27cm x 17cm, trên mũ có chữ “NÓN SƠN”; 01 (một) mũ lưỡi trai kích thước 27cm x 17cm, chóp mũ màu xám, lưỡi trai màu đen; 01 (một) quần jean màu xanh dài 40cm (đã niêm phong). Trong quá trình điều tra xét thấy những vật chứng trên không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo.

[9] Xét, sự đề xuất về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Nguyễn Tấn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tấn P 02(hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (ngày 14/11/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn P 01 (một) thẻ nhớ màu đen, bên ngoài có ghi chữ số “8GB” (đã niêm phong); 07 (bảy) khẩu trang màu nâu; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu cam, không có bàn phím, không có ốp nhựa trước sau, số Imel: 355244037671695; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh-đen, số Imel: 383780105379372; 02 (hai) thanh kim loại hình chữ “L” được buộc với nhau bằng dây kim loại, đầu thanh sắt được mài mòn hình lục giác; 02 (hai) thanh kim loại màu xám-trắng có mũi nhọn; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu trắng kích thước 64cm x 40cm, trên tay

áo có ba viền ngang màu đỏ-trắng-đen, tay áo dài 52cm, cổ áo có ghi chữ “SALAZA (M)”;
01 (một) mũ lưỡi trai màu trắng kích thước 27cm x 17cm, trên mũ có chữ “NÓN SƠN”; 01
(một) mũ lưỡi trai kích thước 27cm x 17cm, chóp mũ màu xám, lưỡi trai màu đen; 01
(một) quần jean màu xanh dài 40cm (đã niêm phong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0007616 ngày 03/01/2020 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quang Lâm